

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 26

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Vận tải thủy - Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 15/01/2014 của Chính Phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109480 ngày 17/06/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp, có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh của Tổng Công ty Vận tải thủy trước khi chuyển đổi. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100109480, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 19/06/2014 với Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 327.737.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 158, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Chủ tịch HĐQT
	Ông Phạm Ngọc Dích	Ủy viên
	Ông Trần Hữu Luận	Ủy viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên
	Ông Đào Đình Thắng	Ủy viên
	Ông Phạm Ngọc Tú	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Ngọc Dích	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hữu Luận	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Bích

Phạm Ngọc Bích
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 10174... Quyển số... SCT/BS

NGÀY: 18-11-2015



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Mạnh Tuấn

Số. 445/2015/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP, được lập ngày 15/6/2015, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 03 tháng 6 năm 2014 có dạng ý kiến giới hạn đối chiếu công nợ chưa đầy đủ.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2014. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 của Công ty mẹ Tổng Công ty.

Công ty mẹ Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2014. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với số dư khoản mục công nợ phải thu, phải trả này nhưng các thủ tục đó chưa giúp chúng tôi có được bằng chứng phù hợp. Vì vậy chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tổng hợp của các đơn vị, chưa được trình bày đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán số 21 về trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực số 25 về Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con.

Tại ngày 18/6/2014, Tổng Công ty TNHH MTV Vận tải thủy chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được cộng Báo cáo tài chính của Công ty mẹ giai đoạn Công ty Cổ phần từ ngày 19/6/2014 đến ngày 31/12/2014 và các công ty con từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Handwritten signature

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

Nguyễn Thị Mai Hoa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2013-075-1

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01- DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		361.942.072.968	511.846.500.078
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	30.480.636.679	61.740.595.711
1. Tiền	111		30.480.636.679	61.740.595.711
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.585.264.244	4.721.706.915
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.585.264.244	4.721.706.915
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.513.423.331	316.335.603.791
1. Phải thu khách hàng	131		195.355.903.059	273.995.159.566
2. Trả trước cho người bán	132		10.939.452.064	18.760.018.269
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		19.569.891	2.688.112.040
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	15.110.305.304	26.271.257.459
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.911.806.987)	(5.378.943.543)
IV- Hàng tồn kho	140		80.500.253.673	100.319.125.247
1. Hàng tồn kho	141	5.3	80.500.253.673	100.319.125.247
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		25.862.495.041	28.729.468.414
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.483.002.786	9.924.874.343
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		341.461.739	763.841.096
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	1.927.574.980	2.134.009.377
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	19.110.455.536	15.906.743.598
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		809.416.840.186	788.052.328.185
I Các khoản phải thu dài hạn	210		6.264.608.299	6.404.636.591
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		2.242.955.600	264.250.100
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	1.000.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.6	4.021.652.699	5.140.386.491
II Tài sản cố định	220		784.844.826.567	768.230.045.099
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	768.331.816.992	737.400.284.626
- Nguyên giá	222		1.729.547.023.153	1.565.301.718.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(961.215.206.161)	(827.901.433.672)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.110.872.493	1.129.436.655
- Nguyên giá	228		1.257.869.053	1.257.869.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.996.560)	(128.432.398)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	15.402.137.082	29.700.323.818
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		403.068.672	4.327.637.534
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	1.650.889.121
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		54.000.000	2.179.440.491
3. Đầu tư dài hạn khác	258		349.068.672	497.307.922
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.794.345.403	8.156.482.843
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	8.274.345.403	8.124.482.843
3. Tài sản dài hạn khác	268		520.000.000	32.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		9.109.991.245	933.526.118
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.171.358.913.154	1.299.898.828.263

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		813.987.618.876	908.766.685.554
I- Nợ ngắn hạn	310		497.809.857.423	557.963.753.270
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	163.989.117.078	246.922.262.935
2. Phải trả người bán	312		143.757.965.935	158.084.416.532
3. Người mua trả tiền trước	313		58.070.424.580	30.735.384.523
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	40.830.484.012	31.531.794.346
5. Phải trả người lao động	315		28.267.902.861	39.666.698.987
6. Chi phí phải trả	316	5.13	22.523.634.503	4.756.472.012
7. Phải trả nội bộ	317		1.645.600.512	7.051.205.483
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	33.401.880.946	33.455.143.526
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		5.322.846.996	5.760.374.926
II- Nợ dài hạn	330		316.177.761.453	350.802.932.284
1. Phải trả dài hạn người bán	331		659.671.850	258.842.316
3. Phải trả dài hạn khác	333		7.370.263.996	7.790.032.431
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	307.889.723.009	335.124.034.721
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		258.102.598	221.206.840
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	7.408.815.976
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		300.176.829.313	333.737.067.487
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	299.035.198.606	334.108.151.371
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		306.184.278.580	321.401.238.299
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	137.592.366
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	855.372.620
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(725.950.000)
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		-	6.067.312.925
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		968.758.833	16.481.269.046
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.231.311.738	7.197.543.260
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15.349.150.545)	(34.520.361.279)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	7.122.905.127
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		-	10.091.229.007
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.141.630.707	(371.083.884)
1. Nguồn kinh phí	432		270.224.420	(371.083.884)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		871.406.287	-
C - LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SÓ	439		57.194.464.965	57.395.075.222
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		1.171.358.913.154	1.299.898.828.263

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thu Huyền

Nguyễn Thanh Bình

Phạm Ngọc Bích

TỔNG CÔNG TY VẬN TÀI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.116.096.101.343	1.566.872.745.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	207.075.588	502.810.004
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.115.889.025.755	1.566.369.935.310
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	955.767.725.747	1.349.664.955.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		160.121.300.008	216.704.979.779
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	1.121.318.407	8.519.130.423
7. Chi phí tài chính	22	5.20	44.523.065.880	60.422.181.067
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.523.065.880	52.381.802.706
8. Chi phí bán hàng	24		3.093.250.599	5.131.057.137
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		112.120.559.463	172.577.170.574
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.505.742.473	(12.906.298.576)
11. Thu nhập khác	31		23.933.816.043	57.731.658.767
12. Chi phí khác	32		16.570.036.237	32.269.453.175
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		7.363.779.806	25.462.205.592
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		8.869.522.279	12.555.907.016
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.251.241.158	6.714.493.972
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		36.895.758	104.261.508
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.581.385.363	5.737.151.536
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		215	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

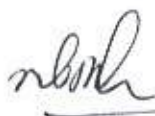
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Huyền



Nguyễn Thanh Bình



Phạm Ngọc Dịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.288.158.796.116	2.004.807.585.280
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(673.133.772.045)	(1.428.051.133.172)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(176.321.622.870)	(251.361.335.548)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(43.076.920.329)	(46.475.477.211)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.083.603.586)	(8.043.259.930)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	149.382.091.753	384.414.536.309
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(302.592.237.878)	(514.474.897.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	238.332.731.161	140.816.018.019
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.620.190.211)	(40.176.316.196)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.968.012.243	13.992.398.220
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.900.000.000)	(4.922.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(139.683.657)	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.625.252.379)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000	1.891.820.290
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	749.330.278	594.451.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.565.783.726)	(22.619.646.095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.113.180.000	65.943.307
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(63.600.000)	(109.680.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	224.057.594.232	389.626.396.025
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(477.380.117.529)	(507.067.103.170)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(110.000.000)	(463.631.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.643.963.170)	(360.740.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(252.026.906.467)	(118.308.815.388)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(31.259.959.032)	(112.443.464)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	61.740.595.711	61.853.039.175
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	30.480.636.679	61.740.595.711

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thu Huyền

Nguyễn Thanh Bình

Phạm Ngọc Bích

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Vận tải thủy - Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 15/01/2014 của Chính Phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109480 ngày 17/06/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp, có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh của Tổng Công ty Vận tải thủy trước khi chuyển đổi.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100109480, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 19/06/2014 với Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 327.737.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 158, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Các công ty con được hợp nhất:

STT	Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ (đồng)
1	Công ty Cổ phần Cảng Hà bắc	Kinh doanh cho thuê kho bãi	97,68%	2.712.460.000
2	Công ty Cổ phần Vận tải thủy 2	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	72,09%	27.674.000.000
3	Công ty Cổ phần Vận tải thủy 4	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	68,51%	28.720.190.000
4	Công ty Cổ phần Vận tải thủy Thái Bình	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	76,79%	5.240.477.851
5	Công ty Cổ phần Vận tải thủy 1	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	56,13%	35.331.000.000
6	Công ty Cổ phần vận tải thủy 3	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	54,33%	25.000.000.000
7	Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	100 %	44.386.738.207
8	Công ty Cổ phần vận tải thủy Nam Định	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	62,09%	6.817.040.000

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sửa chữa thiết bị khác; Sửa chữa máy móc thiết bị; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); Dịch vụ trông giữ xe; Dịch vụ bến xe bãi đỗ; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe; Đóng tàu và cầu kiện nổi; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn kim loại khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn thiết bị và phụ tùng thay thế; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng); Sửa chữa đóng mới các phương tiện giao thông đường bộ; Sửa chữa đóng mới các phương tiện vận tải thủy; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn hàng may mặc; Lắp đặt hệ thống điện; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa, lắp đặt thiết bị thông tin liên lạc, điện tử; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phụ kim loại; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sơn, véc ni, và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít; Môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài; Đại lý các mặt hàng máy móc, vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu; Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học nước ngoài; Dịch vụ ăn uống, giải khát, dịch vụ nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao; Mua bán đồ dùng cá nhân; Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Bán buôn đồ uống có cồn (rượu, bia) và đồ giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar); Mua bán chất tẩy rửa (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Dịch vụ bưu phẩm; Dịch vụ chuyển phát thư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ; Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh và chế biến than mỏ, quặng; Tư vấn việc làm cho người lao động (bao gồm công nhân, sinh viên ra trường, trí thức) cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước; Dạy nghề ngắn hạn; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; May trang phục bảo hộ lao động; Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; Phá dỡ tàu thủy; Khảo sát địa hình; Thiết kế công trình đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Khảo sát địa chất công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường bộ; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Tư vấn và xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế; Thiết kế công trình thủy lợi; Kinh doanh vận tải và vận tải đa phương thức; Vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ trong và ngoài nước; Vận chuyển khách du lịch trên sông, trên vịnh, trên hồ; Xây dựng các công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng công trình phi nhà ở (khu công nghiệp, khu đô thị, khu chế xuất và khu du lịch sinh thái); Xếp dỡ hàng hóa và kinh doanh kho bãi; Sản xuất khai thác vật liệu xây dựng; Nhập khẩu phương tiện vận tải bộ, thủ công mỹ nghệ, nông sản, thực phẩm, sản phẩm may mặc, vật liệu xây dựng, hóa chất phục vụ ngành công nghiệp; Quảng cáo thương mại; Vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường thủy trong và ngoài nước; (Đối với các ngành kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2014: Xếp dỡ hàng hóa và kinh doanh kho bãi; Vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường thủy trong và ngoài nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm..

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong kỳ.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Tuân thủ theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc đã có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng giao dịch thanh toán. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (quý, bán niên, năm), được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Tổng Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty Mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty Mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) Công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát, quyền đưa ra ý kiến, tham gia ý kiến có tính chất quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu và được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư khác được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm có phát sinh.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp thì khoản chênh lệch này được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	4.918.599.849	5.891.838.767
Tiền gửi ngân hàng	25.562.036.830	55.848.756.944
Tổng	30.480.636.679	61.740.595.711

5.2 Phải thu ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	14.366.757.046	16.780.754.804
Phải thu cổ tức	-	6.727.413.482
Phải thu người lao động	247.990.920	1.664.544.265
Phải thu về cổ phần hóa	495.557.338	1.098.544.908
Tổng	15.110.305.304	26.271.257.459

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.121.893.437	18.779.305.356
Công cụ, dụng cụ	411.843.416	883.293.002
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.367.805.061	56.758.343.763
Thành phẩm	179.011.843	708.816.197
Hàng hoá	10.417.887.810	23.187.554.823
Hàng gửi đi bán	1.812.106	1.812.106
Tổng	80.500.253.673	100.319.125.247

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	534.216.947	792.760.358
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.382.905.186	1.251.610.279
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.745.396	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	8.707.451	89.638.740
Tổng	1.927.574.980	2.134.009.377

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	3.337.671.716	15.906.743.598
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.772.783.820	-
Tổng	19.110.455.536	15.906.743.598

5.6 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ ký dài hạn	1.171.652.699	1.640.386.491
Cho vay vốn	2.850.000.000	3.500.000.000
Tổng	4.021.652.699	5.140.386.491

110
TY
NI
ĐÁ
AN
P.Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

NGUYỄN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	446.270.744.630	77.651.266.770	1.024.895.221.721	5.634.474.616	10.850.010.561	1.565.301.718.298
Tăng trong năm	29.856.262.645	10.599.570.990	194.486.543.260	160.765.960	69.600.000	235.172.742.855
Mua trong năm	1.037.817.000	1.147.747.486	101.022.016.692	-	69.600.000	103.277.181.178
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.665.354.623	436.421.960	56.127.423.384	-	-	61.229.199.967
Tăng khác	24.153.091.022	9.015.401.544	37.337.103.184	160.765.960	-	70.666.361.710
Giảm trong năm	2.820.882.528	5.811.626.876	59.926.456.440	147.365.499	2.221.106.657	70.927.438.000
Giảm khác (Giảm theo TT 45, tách mã)	190.647.870	50.113.128	4.174.133.438	119.864.499	-	4.534.758.935
Thanh lý, nhượng bán	611.988.194	614.763.072	26.180.163.670	15.199.000	-	27.422.113.936
Giảm do điều chuyển	1.535.180.815	5.030.358.096	-	-	-	6.565.538.911
Giảm khác	483.065.649	116.392.580	29.572.159.332	12.302.000	2.221.106.657	32.405.026.218
Số dư tại 31/12/2014	473.306.124.747	82.439.210.884	1.159.455.308.541	5.647.875.077	8.698.503.904	1.729.547.023.153
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2014	248.923.966.380	45.994.521.207	522.587.762.260	5.139.560.814	5.255.623.011	827.901.433.672
Tăng trong năm	32.627.162.809	11.138.355.129	148.291.865.652	316.466.982	904.040.955	193.277.891.527
Khấu hao trong năm	16.573.016.144	4.756.195.004	138.675.830.754	316.466.982	904.040.955	161.225.549.839
Tăng khác	16.054.146.665	6.382.160.125	9.616.034.898	-	-	32.052.341.688
Giảm trong năm	1.021.088.319	5.796.592.938	53.037.674.599	108.763.182	-	59.964.119.038
Giảm khác (Giảm theo TT 45, tách mã)	54.339.980	35.079.190	506.522.769	84.952.882	-	680.894.821
Thanh lý, nhượng bán	483.682.690	614.763.072	22.958.992.498	15.199.000	-	24.072.637.260
Giảm do điều chuyển	-	5.030.358.096	-	-	-	5.030.358.096
Giảm khác	483.065.649	116.392.580	29.572.159.332	8.611.300	-	30.180.228.861
Số dư tại 31/12/2014	280.530.040.870	51.336.283.398	617.841.953.313	5.347.264.614	6.159.663.966	961.215.206.161
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2014	197.346.778.250	31.656.745.563	502.307.459.461	494.913.802	5.594.387.550	737.400.284.626
Tại 31/12/2014	192.776.083.877	31.102.927.486	541.613.355.228	300.610.463	2.538.839.938	768.331.816.992

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	1.180.488.101	77.380.952	1.257.869.053
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>1.180.488.101</u>	<u>77.380.952</u>	<u>1.257.869.053</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	51.051.446	77.380.952	128.432.398
Tăng trong năm	18.564.162	-	18.564.162
Khấu hao trong năm	18.564.162	-	18.564.162
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>69.615.608</u>	<u>77.380.952</u>	<u>146.996.560</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	<u>1.129.436.655</u>	<u>-</u>	<u>1.129.436.655</u>
Tại 31/12/2014	<u>1.110.872.493</u>	<u>-</u>	<u>1.110.872.493</u>

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí thiết kế hoàn cải tạo đầy	15.402.137.082	29.700.323.818
Tổng	<u>15.402.137.082</u>	<u>29.700.323.818</u>

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí phân bổ công cụ làm việc và chi phí dài hạn khác	8.274.345.403	8.124.482.843
Tổng	<u>8.274.345.403</u>	<u>8.124.482.843</u>

5.11 Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn các Ngân hàng	114.481.840.267	213.215.987.553
Vay cá nhân	49.248.434.495	33.706.275.382
Nợ dài hạn đến hạn trả	258.842.316	-
Tổng	<u>163.989.117.078</u>	<u>246.922.262.935</u>

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	24.406.932.585	18.503.598.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.020.283.648	4.000.740.872
Thuế thu nhập cá nhân	835.455.881	1.167.486.702
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	12.885.610.277	7.832.465.889
Các loại thuế khác	85.444.098	17.327.923
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	596.757.523	10.173.988
Tổng	40.830.484.012	31.531.794.346

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích chi phí sửa chữa đoàn tàu	22.523.634.503	2.122.814.397
Tổng	22.523.634.503	4.756.472.012

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	454.300	929.309.793
Kinh phí công đoàn	1.312.519.907	1.397.967.116
Bảo hiểm xã hội	4.367.286.455	6.396.879.618
Bảo hiểm y tế	317.830.817	904.712.607
Bảo hiểm thất nghiệp	160.785.945	368.839.746
Phải trả về cổ phần hóa	1.636.696.952	-
Cổ tức phải trả	547.445.883	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.397.533.223	23.457.434.646
<i>Trong đó:</i>		
- Nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học	857.000.000	857.000.000
- Khác	23.540.533.223	22.600.434.646
Dư Có TK 138	661.327.464	-
Tổng	33.401.880.946	33.455.143.526

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay các ngân hàng	173.358.946.101	186.384.463.952
Vay đối tượng khác	122.835.283.205	135.787.633.464
Nợ dài hạn	11.695.493.703	12.951.937.305
Nợ dài hạn khác	11.695.493.703	12.951.937.305
Tổng	307.889.723.009	335.124.034.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Đơn vị tính: VND

5.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	321.401.238.299	137.592.366	855.372.620	(725.950.000)	6.067.312.925	16.481.269.046	7.197.543.260	(34.520.361.279)	10.091.229.007	7.122.905.127	334.108.151.371
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	33.768.478	19.171.210.734	-	-	19.204.979.212
Lãi	-	-	-	-	-	-	-	6.581.385.363	-	-	6.581.385.363
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	33.768.478	12.589.825.371	-	-	12.623.593.849
Giảm trong năm	15.216.959.719	137.592.366	855.372.620	(725.950.000)	6.067.312.925	15.512.510.213	-	-	10.091.229.007	7.122.905.127	54.277.931.977
Giảm do quyết toán vốn Nhà nước Công ty mẹ và giảm khác	15.216.959.719	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.216.959.719
Giảm khác	-	137.592.366	855.372.620	(725.950.000)	6.067.312.925	15.512.510.213	-	-	10.091.229.007	7.122.905.127	39.060.972.258
Số dư tại 31/12/2014	306.184.278.580	-	-	-	-	968.758.833	7.231.311.738	(15.349.150.545)	-	-	299.035.198.606

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.116.096.101.343	1.566.872.745.314
Tổng	1.116.096.101.343	1.566.872.745.314
Các khoản giảm trừ doanh thu	207.075.588	502.810.004
Tổng	207.075.588	502.810.004
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.115.889.025.755	1.566.369.935.310
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.115.889.025.755	1.566.369.935.310

5.18 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	955.767.725.747	1.349.664.955.531
Tổng	955.767.725.747	1.349.664.955.531

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.121.318.407	8.519.130.423
Tổng	1.121.318.407	8.519.130.423

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	44.523.065.880	52.381.802.706
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	8.040.378.361
Tổng	44.523.065.880	60.422.181.067

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và BKS	Lương, thù lao	1.097.889.584
Thành viên HĐQT và Ban điều hành	Lương, thù lao	162.719.695

6.2. Công cụ tài chính**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.480.636.679	61.740.595.711
Phải thu khách hàng (ngắn + dài hạn)	195.355.903.059	273.995.159.566
Phải thu khác (ngắn + dài hạn)	19.131.958.003	31.411.643.950
Đầu tư tài chính khác (ngắn + dài hạn)	6.934.332.916	5.219.014.837
Tổng	251.902.830.657	372.366.414.064
Công nợ tài chính		
Các khoản vay nợ (ngắn + dài hạn)	163.989.117.078	246.922.262.935
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	143.757.965.935	158.084.416.532
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	33.401.880.946	33.455.143.526
Chi phí phải trả	22.523.634.503	4.756.472.012
Tổng	363.672.598.462	443.218.295.005

Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, do vậy Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty quản lý tốt các các rủi ro liên quan đến lãi suất bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	177.159.846.881	8.029.935.846	185.189.782.727
Các khoản vay	163.989.117.078	307.889.723.009	471.878.840.087
Công nợ khác	24.169.235.015	258.102.598	24.427.337.613

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các tài sản tài chính theo thời gian đến hạn trên cơ sở đến hạn hợp đồng của các tài sản tài chính(bao gồm cả lãi từ từ tài sản đó, nếu có). Việc trình bày các thông tin này là cần thiết để hiểu được việc quản lý các rủi ro thanh toán của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể kiểm soát được các tài sản tài chính.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	210.466.208.363	2.242.955.600	212.709.163.963
Phải thu khác	19.130.025.427	4.021.652.699	23.151.678.126

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THỦY - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Thông tin khác

Tổng Công ty Vận tải thủy hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 19/06/2014. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được ký và đóng dấu bởi Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác.

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Dich